

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 14-5-2026

V/v: Ly hôn, nuôi con chung,
trả nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thào A Páo, bà Lương Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Viết Quý- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Vũ Bá Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2025/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị Nh, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản B, xã M, tỉnh Sơn La.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản B, xã M, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH); Địa chỉ trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Khanh- Chức vụ: Giám đốc

Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Cà Thị Nh trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 11/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã MK (trước là xã Bó Mười, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Cà Thị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn B.

Về con chung: Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B có 02 (hai) con chung là cháu Lò Duy Kh, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lò An H, sinh ngày 21/7/2018.

Chị Nhung đề nghị giao hai cháu Lò Duy Kh và cháu Lò An H cho anh Biên được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, kể từ khi sống ly thân hai cháu Lò Duy Kh và cháu Lò An H ở với bố.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cà Thị Nh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Cà Thị Nh cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên tòa: Về nợ chung chị Cà Thị Nh thừa nhận, chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B có vay Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu số tiền 50.000.000 đồng, vốn chương trình hộ nghèo để thực hiện phương án nuôi bò sinh sản, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 130%, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/6/2025. Quá trình vay chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo định kỳ. Đến hạn trả nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu gia hạn nợ cho chị Nhung và anh Biên, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/3/2026. Hiện tại chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B còn nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu số tiền gốc 20.000.000 đồng. Chị Cà Thị Nh đề nghị tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác đối với khoản nợ chung trên.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lò Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn B và chị Cà Thị Nh kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 11/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã MK (trước là xã Bó Mười,

huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2024 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nhung tự ý bỏ nhà, bỏ chồng con đi theo người khác, mong chị Nhung quay lại đoàn tụ, anh Biên không nhất trí ly hôn với chị Cà Thị Nh.

Về con chung: Anh Lò Văn B và chị Cà Thị Nh có 02 (hai) con chung là cháu Lò Duy Kh, sinh ngày 03/4/2017, và cháu Lò An H, sinh ngày 21/7/2018.

Anh Lò Văn B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 (hai) con chung là cháu Lò Duy Kh, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lò An H, sinh ngày 21/7/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Biên không yêu cầu chị Nhung phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn B khai nhận: Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B có vay Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu số tiền 50.000.000 đồng, vốn chương trình hộ nghèo để thực hiện phương án nuôi bò sinh sản, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 130%, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/6/2025. Quá trình vay chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo định kỳ. Đến hạn trả nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu gia hạn nợ cho chị Nhung và anh Biên, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/3/2026. Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B còn nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu số tiền gốc 21.000.000 đồng.

Anh Lò Văn B đề nghị chia đôi số nợ chung trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Khanh- Chức vụ: Giám đốc trình bày:

Ngày 21/06/2020 gia đình ông bà Lò Văn B và bà Cà Thị Nh được vay vốn chương trình hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH Thuận Châu số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Người đại diện đứng tên vay vốn và giao dịch với NHCSXH là Lò Văn B, người ký trên giấy ủy quyền, cùng tham gia vay vốn và cam kết cùng chịu trách nhiệm trả nợ là bà Cà Thị Nh. Quá trình vay gia đình ông bà Cà Thị Nh và anh Lò Văn B đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo định kỳ. Đến hạn trả nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu gia hạn nợ cho gia đình ông bà Nhung và anh Biên, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/3/2026. Hiện tại ông Lò Văn B và bà Cà Thị Nh còn nợ Phòng giao dịch NHCSXH Thuận Châu số tiền 21.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu đề nghị tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác đối với khoản nợ ngân hàng.

Tại thông báo số: 05/2025/TB-TA, ngày 16 tháng 12 năm 2025 thông báo bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La, yêu cầu anh Lò Văn B bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc yêu cầu trả nợ chung nhưng anh Lò Văn B không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án chứng minh cho yêu cầu.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 18/3/2026, ngoài những tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã giao nộp, chị Nhung, Phòng giao dịch NHCSXH Thuận Châu không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 10/3/2026: Tại Bản B, xã M, tỉnh Sơn La. Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B có hộ khẩu thường trú tại Bản B, xã M, tỉnh Sơn La, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã MK (trước là xã Bó Mười, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể không nắm được. Hiện tại chị Nhung và anh Biên đã sống ly thân. Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B có 02 (hai) con chung là cháu Lò Duy Kh, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lò An H, sinh ngày 21/7/2018, cả hai cháu đang ở với anh Biên. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Bị đơn anh Lò Văn B đã được triệu tập họp lệ, giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La. Anh Lò Văn B không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lò Duy Kh và cháu Lò An H đều có nguyện vọng là ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định

tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị Nh được ly hôn anh Lò Văn B.

Về con chung: Giao cháu Lò Duy Kh, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lò An H, sinh ngày 21/7/2018 cho anh Lò Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cà Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Biên không yêu cầu chị Nhung phải cấp dưỡng nuôi con chung).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Cà Thị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Cà Thị Nh yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn B có địa chỉ tại Bản B, xã M, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu có đơn đề nghị không hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Lò Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ tư vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 11/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã MK (trước là xã Bó Mười, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2024 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Nhung cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn B, anh Lò Văn B không nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản lấy lời khai.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nhung và anh Biên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Cà Thị Nh được ly hôn anh Lò Văn B. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B có 02 (hai) con chung là cháu Lò Duy Kh, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lò An H, sinh ngày 21/7/2018.

Tại bản tự khai: Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B đều có ý kiến đề nghị giao hai cháu Lò Duy Kh, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lò An H, sinh ngày 21/7/2018 cho anh Lò Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lò Duy Kh và cháu Lò An H đều có nguyện vọng được ở với bố.

Chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B đều có nơi cư trú rõ ràng, chị Cà Thị Nh thường xuyên đi làm thuê xa. Anh Lò Văn B trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập ổn định. Anh Lò Văn B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Duy Kh và cháu Lò An H từ khi vợ chồng sống ly thân là năm 2024 cho đến nay.

Trên cơ sở xem xét ý kiến của chị Nhung và anh Biên, nguyện vọng của cháu Lò Duy Kh và cháu Lò An H đều có nguyện vọng muốn ở với anh Biên.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Lò Duy Kh, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lò An H, sinh ngày 21/7/2018 cho anh Lò Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cà Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Biên không yêu cầu chị Nhung phải cấp dưỡng nuôi con).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung:

Nguyên đơn chị Cà Thị Nh, bị đơn anh Lò Văn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu đều khai nhận: Ngày 21/06/2020 anh Lò Văn B và chị Cà Thị Nh vay vốn chương trình hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH Thuận Châu số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Người đại diện đứng tên vay vốn và giao dịch với NHCSXH là anh Lò Văn B, người ký trên giấy ủy quyền, cùng tham gia vay vốn và cam kết cùng chịu trách nhiệm trả nợ là chị Cà Thị Nh. Quá trình vay chị Cà Thị Nh và anh Lò Văn B đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo định kỳ. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/3/2026. Hiện tại anh Lò Văn B và chị Cà Thị Nh còn nợ Phòng giao dịch NHCSXH Thuận Châu số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu đề nghị tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác đối với khoản nợ ngân hàng. Chị Nhung nhất trí với ý kiến của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lò Văn B đề nghị chia đôi nợ chung trên.

Xét thấy: Đối với giao dịch này, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu mới có quyền yêu cầu. Mặt khác: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa có đơn yêu cầu độc lập, chưa nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, do đó chưa có căn cứ thụ lý, giải quyết trong vụ án.

Toà án chỉ xem xét giải quyết trong vụ án trong trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và thực hiện theo quy định như với thủ tục khởi kiện của nguyên đơn và nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Căn cứ khoản 1 Điều 146; Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu của bị đơn anh Lò Văn B.

[7] Về án phí: Chị Cà Thị Nh có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Cà Thị Nh là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Cà Thị Nh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Cà Thị Nh đối với anh Lò Văn B.

Xử cho chị Cà Thị Nh được ly hôn anh Lò Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Duy Kh, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lò An H, sinh ngày 21/7/2018 cho anh Lò Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cà Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Biên không yêu cầu chị Nhung phải cấp dưỡng nuôi con).

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Cà Thị Nh.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị Nh, Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Thuận Châu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/5/2026).

Bị đơn anh Lò Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Sơn La;
- Đường sự;
- UBND xã MK, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng